ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 445 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế theo Quyết định số 1960/QĐ-TTg ngày 09/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Quyết định số 1960/QĐ-TTg ngày 09/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận[1] của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế; Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế theo chỉ đạo của Trung ương; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và Nhân dân trong thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Từng bước xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, bền vững, lấy người dân làm trung tâm, gia đình và cộng đồng làm nền tảng, cấp cơ sở làm địa bàn trực tiếp tổ chức thực hiện; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu, được hỗ trợ kịp thời khi gặp khó khăn, rủi ro trong cuộc sống, không để ai bị bỏ lại phía sau.

c) Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách về việc làm, thu nhập, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giảm nghèo và bảo vệ trẻ em; ưu tiên hỗ trợ các nhóm yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi không có lương hưu, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, mất việc làm.

d) Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết nối và khai thác dữ liệu nhằm xác định đúng đối tượng, giải quyết chính sách kịp thời, giảm thủ tục hành chính và hạn chế tình trạng trùng lặp, bỏ sót đối tượng thụ hưởng.

---

[1] Thông báo số 159-TB/VPTW ngày 29 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng

2. Yêu cầu

a) Bám sát nội dung, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1960/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm địa bàn miền núi, biên giới, đặc điểm dân cư và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh Lạng Sơn.

b) Xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, trách nhiệm của người đứng đầu, tiến độ thực hiện và kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ theo phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả".

c) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và gia đình trong thực hiện chính sách an sinh xã hội.

d) Việc tổ chức thực hiện phải thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, chồng chéo, trùng lặp; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, phát triển thị trường lao động, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và thực hiện chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

đ) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; lấy mức độ tiếp cận chính sách, chất lượng cuộc sống và sự hài lòng của người dân làm cơ sở đánh giá hiệu quả.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp, các ngành và toàn xã hội; gắn thực hiện chính sách an sinh xã hội với phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ổn định đời sống Nhân dân và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

b) Phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng toàn dân, đa tầng, bao trùm và bền vững; ưu tiên nguồn lực cho người yếu thế, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân sinh sống tại địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới và những nơi có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của thiên tai.

c) Lấy người dân làm trung tâm, gia đình và cộng đồng làm nền tảng, chính quyền cấp xã làm đầu mối trực tiếp nắm bắt tình hình, phát hiện nhu cầu và tổ chức thực hiện chính sách theo thẩm quyền. Chủ động hỗ trợ đúng người, đúng nhu cầu, đúng thời điểm; hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước theo quy định.

d) Kết hợp giữa trợ giúp trước mắt với hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm và nâng cao khả năng tự bảo đảm cuộc sống; chuyển dần từ hỗ trợ thụ động sang hỗ trợ có điều kiện phù hợp, tạo cơ hội để người dân chủ động vươn lên, giảm phụ thuộc vào trợ giúp xã hội.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong thực hiện chính sách; sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng; không để xảy ra tình trạng trục lợi chính sách, bỏ sót đối tượng hoặc chậm trễ trong hỗ trợ người dân gặp khó khăn.

2. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, từng bước hình thành hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, bền vững, có khả năng thích ứng với các rủi ro về kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và quá trình già hóa dân số; bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu, được hỗ trợ kịp thời khi gặp khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030, hình thành cơ bản hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, số hóa, bảo đảm sàn an sinh tối thiểu cho tất cả người dân.

- Bố trí công chức làm đầu mối thực hiện, theo dõi, phối hợp giải quyết các nhiệm vụ về an sinh xã hội tại UBND xã, phường phù hợp với danh mục vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ và biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- 90% người dân có sổ theo dõi sức khỏe điện tử và được khám sức khỏe định kỳ.

- 90% đối tượng hưởng trợ cấp xã hội thực hiện chi trả không dùng tiền mặt.

- Về giải quyết việc làm: Bình quân hằng năm giải quyết việc làm mới cho 19.000 lao động.

- Về tín dụng chính sách xã hội: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện được tiếp cận vốn tín dụng chính sách xã hội; tăng trưởng dư nợ tín dụng chính sách bình quân hằng năm đạt từ 10% trở lên; nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm tỷ trọng từ 15% trở lên trong tổng nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn; tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh chiếm dưới 0,2% tổng dư nợ.

b) Đến năm 2045, hệ thống an sinh xã hội tiệm cận chuẩn mực của các nước phát triển có thu nhập cao, dịch vụ chất lượng, tài chính bền vững, quản trị minh bạch và khả năng ứng phó nhanh trước các rủi ro.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về vai trò của chính sách an sinh xã hội trong chính sách xã hội

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Quyết định số 1960/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này đến các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách an sinh xã hội bằng các hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng tuyên truyền tại cơ sở, địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới. Nội dung tuyên truyền tập trung vào quyền, trách nhiệm của người dân; điều kiện, trình tự, thủ tục thụ hưởng chính sách; các chương trình tín dụng chính sách xã hội, các chính sách hỗ trợ việc làm, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và hỗ trợ người yếu thế.

c) Đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận, tăng cường ứng dụng nền tảng số, hệ thống thông tin cơ sở và các hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; phát huy vai trò của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, người có uy tín trong cộng đồng và các tổ chức đoàn thể.

d) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập, tình trạng thiếu trách nhiệm hoặc chậm trễ trong giải quyết chính sách cho người dân.

Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ; UBND các xã, phường.

Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tin, truyền thông và các đơn vị có liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp xã hội

a) Rà soát việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng, trợ giúp xã hội đột xuất và các chính sách hỗ trợ khác đối với người có hoàn cảnh khó khăn; bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ theo quy định pháp luật.

b) Tăng cường rà soát, lập danh sách, cập nhật thông tin về người cao tuổi không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người không có khả năng tự bảo đảm cuộc sống và các nhóm yếu thế khác để chủ động hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận chính sách.

c) Nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, tổ chức chi trả trợ cấp xã hội; kịp thời xử lý các trường hợp chậm chi trả, sai lệch thông tin, thay đổi hoàn cảnh hoặc phát sinh nhu cầu trợ giúp đột xuất.

d) Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội; quan tâm điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng đối với người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng và các đối tượng cần được chăm sóc tập trung.

đ) Chủ động phát hiện các trường hợp có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại, bỏ mặc hoặc không được tiếp cận dịch vụ xã hội thiết yếu; phối hợp giữa chính quyền cấp xã, cơ quan chuyên môn, gia đình và cộng đồng để có phương án hỗ trợ phù hợp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng.

e) Rà soát các quy trình xác định đối tượng, giải quyết và chi trả chính sách; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những nội dung bất cập, chồng chéo, không còn phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất và khả năng tiếp cận của người dân.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế và các cơ quan chuyên môn có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên; tổ chức rà soát, đánh giá định kỳ hằng năm.

3. Phát triển thị trường lao động, tạo việc làm và bảo đảm sinh kế bền vững

a) Triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động và doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số; gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Ưu tiên hỗ trợ tiếp cận thông tin việc làm, học nghề, vay vốn tạo việc làm và các chương trình hỗ trợ sinh kế đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật có khả năng lao động, người lao động mất việc làm, lao động thuộc nhóm dễ bị tổn thương và các đối tượng khác theo quy định.

d) Tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh và doanh nghiệp trong tổ chức tư vấn, tuyển dụng, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm; chú trọng các hình thức việc làm phù hợp với điều kiện sức khỏe, khả năng lao động và hoàn cảnh của từng nhóm đối tượng.

đ) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ người lao động khi mất việc làm theo quy định; tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ đào tạo nhằm giúp người lao động sớm quay trở lại thị trường lao động.

e) Thực hiện hiệu quả chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cho vay người chấp hành xong án phạt tù, gắn tín dụng chính sách với đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, nhất là

đối với lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

g) Tăng cường tuyên truyền, vận động người lao động và người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện; nâng cao nhận thức về ý nghĩa, lợi ích lâu dài của bảo hiểm xã hội, góp phần mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội, giảm nguy cơ người dân không có nguồn thu nhập khi hết tuổi lao động.

Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch giải quyết việc làm hằng năm của tỉnh.

4. Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; chú trọng nhóm lao động trong khu vực doanh nghiệp, hộ kinh doanh, lao động phi chính thức và người lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

b) Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội rà soát, đánh giá tình hình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp; xác định các nhóm có tiềm năng phát triển đối tượng và những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện để có giải pháp phù hợp.

c) Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ trách nhiệm tham gia, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định; phối hợp xử lý các trường hợp chậm đóng, trốn đóng và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội theo thẩm quyền.

d) Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội và chính quyền cấp xã trong tuyên truyền, vận động, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; chú trọng người lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn, lao động tự do và người có thu nhập không ổn định.

đ) Tăng cường tư vấn, hướng dẫn người lao động tiếp cận các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định; hạn chế tình trạng người lao động thiếu thông tin, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền lợi an sinh xã hội của mình.

Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tài chính, UBND các xã, phường, các tổ chức đại diện người lao động và người sử dụng lao động.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Xây dựng hệ thống an sinh gia đình và liên thế hệ

a) Lồng ghép các chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và trợ giúp xã hội nhằm hỗ trợ toàn diện đối với các hộ gia đình có nhiều người phụ thuộc, gia đình có người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc có nguy cơ rơi vào nghèo đói.

b) Quan tâm trẻ em sống xa cha mẹ, trẻ em được ông bà hoặc người thân chăm sóc, trẻ em trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn; kịp thời phát hiện và hỗ trợ những trường hợp có nguy cơ bỏ học, thiếu dinh dưỡng, không được chăm sóc đầy đủ hoặc bị xâm hại.

c) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm điều kiện tiếp cận các dịch vụ thiết yếu cho người lao động và gia đình, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, địa bàn có hoạt động sản xuất, kinh doanh tập trung và khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Khuyến khích phát triển các mô hình hỗ trợ cộng đồng, chăm sóc trẻ em, chăm sóc người cao tuổi và hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ và hỗ trợ các thành viên yếu thế.

đ) Gắn thực hiện chính sách an sinh xã hội với công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế hộ gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

e) Phát huy vai trò của tín dụng chính sách xã hội trong hỗ trợ sinh kế, phát triển kinh tế hộ gia đình, thực hiện tốt các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay nhà ở xã hội và các chương trình tín dụng khác theo quy định.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các cơ quan liên quan và UBND các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Phát triển các dịch vụ chăm sóc, chủ động thích ứng với già hóa dân số

a) Tăng cường thực hiện các chính sách chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi; rà soát, nắm chắc tình hình người cao tuổi cô đơn, không nơi nương tựa, người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi không có người chăm sóc để kịp thời hỗ trợ theo quy định.

b) Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi; chú trọng nhóm từ 75 tuổi trở lên và từng bước mở rộng phạm vi chăm sóc theo định hướng của Trung ương, phù hợp với điều kiện nguồn lực của tỉnh.

c) Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh tại nhà đối với người cao tuổi không có điều kiện đến cơ sở y tế; đẩy mạnh phát hiện sớm bệnh tật, phục hồi chức năng, phòng ngừa khuyết tật và hỗ trợ chăm sóc dài hạn theo quy định.

d) Nâng cao năng lực của cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở y tế và đội ngũ làm công tác chăm sóc người cao tuổi; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhân lực làm công tác xã hội, chăm sóc tại nhà và hỗ trợ người cao tuổi tại cộng đồng.

đ) Khuyến khích các mô hình chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng, chăm sóc ban ngày và hỗ trợ tạm thời đối với người cần được chăm sóc; huy động nguồn lực hợp pháp để cải thiện điều kiện sống của người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn.

e) Tăng cường phối hợp giữa ngành y tế, chính quyền địa phương, gia đình và các tổ chức xã hội trong phát hiện, hỗ trợ người cao tuổi có nguy cơ bị bỏ mặc, thiếu chăm sóc hoặc không được tiếp cận các dịch vụ thiết yếu.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Bảo đảm cơ hội phát triển công bằng cho trẻ em và người yếu thế

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em sinh sống tại địa bàn khó khăn.

b) Phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, tiêm chủng, giáo dục mầm non, sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật và can thiệp sớm đối với trẻ em theo quy định; chú trọng giai đoạn 1.000 ngày đầu đời của trẻ.

c) Nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ học sinh theo quy định, chính sách cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hạn chế tình trạng trẻ em, học sinh, sinh viên bỏ học do điều kiện kinh tế gia đình hoặc khó khăn trong tiếp cận dịch vụ giáo dục.

d) Tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị và phương pháp giáo dục phù hợp với học sinh khuyết tật; nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên, cán bộ và nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

đ) Bảo đảm người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo nghề, việc làm, giao thông, công trình công cộng và dịch vụ số theo quy định; tăng cường hỗ trợ phục hồi chức năng và hòa nhập cộng đồng.

e) Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp và hỗ trợ các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bạo lực, bóc lột, bỏ mặc hoặc có nguy cơ bị tổn hại; tăng cường phối hợp liên ngành trong xử lý các vụ việc phát sinh.

g) Tuyên truyền, vận động người dân chủ động tiếp cận các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và các dịch vụ dự phòng phù hợp theo quy định.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan và UBND các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

8. Nâng cao khả năng thích ứng với thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro xã hội

a) Rà soát, cập nhật thông tin về các hộ gia đình, nhóm dân cư dễ bị tổn thương, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi sống một mình, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người dân sinh sống tại khu vực có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của thiên tai.

b) Chủ động xây dựng, cập nhật phương án hỗ trợ an sinh xã hội trong tình huống thiên tai, dịch bệnh, sự cố hoặc các tình huống khẩn cấp khác; xác định nhu cầu về lương thực, thực phẩm, chỗ ở, chăm sóc y tế, trợ giúp xã hội và hỗ trợ sinh kế đối với người dân bị ảnh hưởng.

c) Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh hoặc tình huống khẩn cấp, các cơ quan, đơn vị và chính quyền cấp xã chủ động rà soát đối tượng, tổ chức tiếp nhận thông tin, hướng dẫn và giải quyết chính sách hỗ trợ theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ đối với các trường hợp vượt khả năng nguồn lực của địa phương.

d) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực hỗ trợ; bảo đảm việc cứu trợ, trợ giúp được thực hiện đúng đối tượng, kịp thời, công khai, minh bạch, không để người dân phải chờ đợi kéo dài khi đã đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo quy định.

đ) Gắn các chương trình phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, thu hồi đất và sắp xếp sản xuất với phương án bảo đảm việc làm, thu nhập, sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng; tăng cường đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi việc làm và tiếp cận các chính sách bảo hiểm theo quy định.

e) Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro đối với người nghèo, người lao động yếu thế và các hộ gia đình có khả năng phục hồi thấp; nâng cao năng lực ứng phó của chính quyền cơ sở và cộng đồng dân cư.

g) Đối với khách hàng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khách quan, kịp thời rà soát, thực hiện các

biện pháp hỗ trợ như điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, xử lý nợ bị rủi ro theo quy định, ưu tiên cho vay vốn để khôi phục sản xuất, ổn định đời sống.

Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên và khi phát sinh tình huống cần hỗ trợ.

9. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kết nối và khai thác dữ liệu trong thực hiện chính sách an sinh xã hội

a) Rà soát, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu về các đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội theo lĩnh vực quản lý; bảo đảm thông tin chính xác, đầy đủ, thống nhất, phục vụ công tác quản lý, dự báo nhu cầu và tổ chức thực hiện chính sách.

b) Tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; hạn chế việc yêu cầu người dân kê khai lại hoặc cung cấp lại các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước khi đủ điều kiện khai thác, sử dụng.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đối tượng và tổ chức chi trả chính sách an sinh xã hội; tạo thuận lợi cho người dân, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật và người sinh sống tại địa bàn khó khăn.

d) Nâng cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân quyền truy cập, quản lý và khai thác dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

đ) Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và các hình thức giải quyết thủ tục hành chính phù hợp; có phương án hỗ trợ trực tiếp đối với người không có điều kiện sử dụng công nghệ số.

e) Định kỳ rà soát chất lượng dữ liệu, kịp thời phát hiện, xử lý thông tin sai lệch, trùng lặp, thiếu thống nhất; gắn trách nhiệm cập nhật, quản lý dữ liệu với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và cán bộ được giao nhiệm vụ.

g) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách và dữ liệu dân cư với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định để phục vụ xác định đối tượng vay vốn, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, mở rộng dịch vụ ngân hàng số đối với khách hàng vay vốn chính sách.

Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

10. Đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực an sinh xã hội

a) Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; xác định các nội dung còn chồng chéo, trùng lặp, khó thực hiện hoặc chưa đáp ứng nhu cầu thực tế để đề xuất giải pháp khắc phục theo thẩm quyền.

b) Chủ động lồng ghép các nguồn lực từ chương trình, kế hoạch, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và theo quy định pháp luật.

c) Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trong hỗ trợ người nghèo, người yếu thế và các trường hợp gặp khó khăn; khuyến khích các mô hình hỗ trợ sinh kế, chăm sóc cộng đồng và trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện của địa phương.

d) Tăng cường công khai, minh bạch thông tin về đối tượng, nguồn lực và kết quả thực hiện chính sách theo quy định; nâng cao hiệu quả giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm, trục lợi chính sách, thiếu trách nhiệm, gây phiền hà hoặc chậm trễ trong giải quyết quyền lợi của người dân.

e) Chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách an sinh xã hội tại cơ sở; hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm giải quyết công việc đúng thẩm quyền, đúng quy định.

Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

11. Nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững

a) Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới và Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; xác định tín dụng chính sách xã hội là giải pháp quan trọng, gắn với thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Hằng năm, cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh và cấp xã) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các

đối tượng chính sách khác theo Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bổ sung nguồn vốn cho vay.

c) Tổ chức cho vay kịp thời, đúng đối tượng các chương trình tín dụng chính sách: cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, nhà ở xã hội, người chấp hành xong án phạt tù, người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; cho vay thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác theo quy định; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới và địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao.

d) Gắn tín dụng chính sách với đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, khuyến nông, hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; hướng dẫn người vay sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế sử dụng vốn vay hiệu quả.

đ) Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp; nâng cao chất lượng hoạt động ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn và Điểm giao dịch tại xã, phường.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay; chủ động phòng ngừa, xử lý nợ quá hạn, ngăn chặn các hành vi lợi dụng, trục lợi chính sách, bảo đảm chất lượng tín dụng và an toàn nguồn vốn.

Cơ quan chủ trì: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, dưới sự chỉ đạo của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên; nguồn vốn ủy thác bố trí hằng năm cùng thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước.

12. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

a) Xây dựng nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội gắn với chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; tập trung vào việc thực hiện chế độ, chính sách, xác định đối tượng, quản lý hồ sơ, tổ chức chi trả và chất lượng dịch vụ hỗ trợ.

b) Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách tại cơ sở; hướng dẫn, đôn đốc và yêu cầu khắc phục các hạn chế thuộc thẩm quyền, tổng hợp những vấn đề vượt thẩm quyền để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

c) Định kỳ đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách trên cơ sở mức độ tiếp cận của người dân, tính kịp thời trong giải quyết chế độ, mức độ bao phủ của các chính sách và những thay đổi thực tế về đời sống của người thụ hưởng.

d) Tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền khiếu nại, tố cáo và các quyền hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

đ) Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội với đánh giá trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; kịp thời biểu dương, nhân rộng mô hình hiệu quả, đồng thời chấn chỉnh những trường hợp triển khai chậm, thiếu trách nhiệm hoặc không đạt yêu cầu.

Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ; UBND các xã, phường tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện tại địa bàn.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên; tổng hợp đánh giá định kỳ hằng năm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động nguồn lực hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để thực hiện các hoạt động an sinh xã hội theo quy định pháp luật.

3. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

4. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát và quyết toán theo quy định của pháp luật.

5. Nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội gồm: nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương cân đối, phân bổ; nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tỉnh và các xã, phường theo quy định; nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước

về lao động, việc làm, thị trường lao động, bảo hiểm xã hội và các lĩnh vực khác được giao theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

b) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về phát triển thị trường lao động, hỗ trợ việc làm, tư vấn và giới thiệu việc làm, phát triển kỹ năng nghề, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường rà soát, đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách an sinh xã hội thuộc lĩnh vực quản lý; tham mưu UBND tỉnh giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

d) Theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch; đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo; tham mưu UBND tỉnh báo cáo cơ quan Trung ương theo yêu cầu.

2. Sở Y tế

a) Chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các nhóm đối tượng yếu thế thuộc phạm vi quản lý.

b) Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với các đối tượng theo quy định; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội và dịch vụ chăm sóc tại cộng đồng.

c) Phối hợp với UBND các xã, phường nắm bắt tình hình các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các trường hợp cần trợ giúp đột xuất; chủ động hướng dẫn giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ kịp thời.

d) Chủ trì phối hợp triển khai các giải pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám sức khỏe định kỳ, quản lý sức khỏe người cao tuổi, phục hồi chức năng và bảo vệ, chăm sóc trẻ em theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu bố trí, cân đối nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo khả năng ngân sách địa phương, phân cấp ngân sách hiện hành và quy định pháp luật.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định.

c) Phối hợp rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực; tham mưu giải pháp huy động, phân bổ và sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng cho trẻ em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc nhóm yếu thế và học sinh khuyết tật theo quy định.

b) Tăng cường thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh; phối hợp với UBND các xã, phường rà soát, phát hiện trẻ em có nguy cơ bỏ học do hoàn cảnh kinh tế, sức khỏe hoặc các nguyên nhân khác để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

c) Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục ở vùng khó khăn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập và khả năng tiếp cận giáo dục đối với học sinh khuyết tật; phối hợp thực hiện các chương trình bảo vệ, chăm sóc và phát triển toàn diện trẻ em.

d) Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc kết nối, khai thác, đối soát thông tin, dữ liệu phục vụ xác định đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội theo chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nội dung liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, chi trả chính sách an sinh xã hội theo quy định.

c) Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp và các hoạt động hỗ trợ người dân khi phát sinh tình huống cần thiết.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ tại mục 11 Phần III Kế hoạch này, tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chỉ đạo thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn.

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác; cho vay kịp thời, đúng đối tượng; phối hợp với UBND các xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác trong bình xét, giải ngân, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối dữ liệu với các cơ quan liên quan; mở rộng dịch vụ ngân hàng số, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận vốn tín dụng chính sách.

d) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp theo quy định.

7. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch; lồng ghép mục tiêu an sinh xã hội vào các chương trình, kế

hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; định kỳ báo cáo kết quả, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện.

8. UBND các xã, phường

a) Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế của địa phương, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế trên địa bàn; phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận chuyên môn, cán bộ phụ trách và các tổ chức có liên quan.

b) Chủ động rà soát, nắm chắc tình hình dân cư, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người có hoàn cảnh khó khăn và các nhóm dễ bị tổn thương khác; cập nhật thông tin theo quy định, bảo đảm phát hiện kịp thời các trường hợp cần hỗ trợ.

c) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền; hướng dẫn người dân tiếp cận các chính sách về việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ thiết yếu.

d) Xây dựng phương án hỗ trợ đối với các hộ gia đình, nhóm dân cư dễ bị tổn thương khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh hoặc tình huống khẩn cấp; chủ động tổ chức hỗ trợ theo thẩm quyền và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các trường hợp vượt khả năng giải quyết.

đ) Đẩy mạnh tuyên truyền chính sách an sinh xã hội tại cộng đồng; phát huy vai trò của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, người có uy tín, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư trong phát hiện, hỗ trợ người yếu thế.

e) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách trên địa bàn; tiếp nhận, xử lý hoặc kiến nghị xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

g) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của UBND tỉnh và cơ quan được giao chủ trì theo dõi, tổng hợp.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách về an sinh xã hội; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ người nghèo và các nhóm yếu thế trong cộng đồng.

b) Tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, việc quản lý và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ; kịp thời phản ánh những bất cập, khó khăn và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

c) Huy động, vận động các nguồn lực xã hội hợp pháp để hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp cần trợ giúp khẩn cấp.

d) Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội nâng cao chất lượng thực hiện các nội dung công việc được ủy thác; chỉ đạo Tổ tiết kiệm và vay vốn hoạt động hiệu quả; phối hợp tuyên truyền chính sách tín dụng và giám sát việc sử dụng vốn vay.

10. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao, báo cáo định kỳ hằng năm **trước ngày 05 tháng 12** ***(năm 2026: báo cáo trước ngày 02/12/2026)*** hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Nội dung báo cáo tập trung vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; tình hình tiếp cận và thụ hưởng chính sách của người dân; kết quả hỗ trợ các nhóm yếu thế; tình hình huy động, sử dụng nguồn lực; những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị.

c) Trường hợp phát sinh vấn đề đột xuất, tình huống khẩn cấp hoặc nội dung vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo giải quyết.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết hoặc báo cáo theo yêu cầu của Trung ương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX (TTPL).